



Mã số: 231212/2180:1/QTMT/REC

Tp. HCM, ngày 22 tháng 12 năm 2023

## KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

- Đơn vị yêu cầu: **CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ NHƠN TRẠCH 2**
- Địa chỉ: Ấp 3, xã Phước Khánh, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai
- Loại mẫu: Nước thải (làm mát) Số lượng: 01 mẫu

STT	MÃ SỐ MẪU	KÝ HIỆU/VỊ TRÍ LẤY MẪU
1	NT1.231212	1212/NT/U-NT/1: Tại vị trí trước khi xả hồ kiểm soát chung với Nhà máy điện Nhơn Trạch 1

4. Ngày lấy mẫu: 12/12/2023

5. Kết quả thử nghiệm:

STT	THÔNG SỐ/ĐƠN VỊ		PHƯƠNG PHÁP THỬ NGHIỆM	KẾT QUẢ	QCVN 40:2011/BTNMT Cột A Kq=0,9; Kf=0,9
				NT1.231212	
1	pH <sup>(a)(c)</sup>	--	TCVN 6492:2011	7,03	6 – 9
2	Nhiệt độ <sup>(a)(c)</sup>	°C	SMEWW 2550B:2017	32,5	40
3	Màu <sup>(a)(b)</sup>	Pt-Co	TCVN 6185:2015	KPH (MDL=5)	50
4	BOD <sub>5</sub> <sup>(a)(b)</sup>	mg/L	SMEWW 5210B:2017	33	24,3
5	COD <sup>(a)(b)</sup>	mg/L	SMEWW 5220C:2017	76	60,75
6	SS <sup>(a)(b)</sup>	mg/L	TCVN 6625:2000	188	40,5
7	As <sup>(d1)</sup>	mg/L	SMEWW 3113B:2017	KPH (MDL=0,0023)	0,04
8	Hg <sup>(d1)</sup>	mg/L	SMEWW 3112B:2017	KPH (MDL=0,0003)	0,004
9	Pb <sup>(d1)</sup>	mg/L	SMEWW 3113B:2017	KPH (MDL=0,0007)	0,08
10	Cd <sup>(d1)</sup>	mg/L	SMEWW 3113B:2017	KPH (MDL=0,0002)	0,04
11	Cr(VI) <sup>(a)</sup>	mg/L	SMEWW 3500-Cr <sup>6+</sup> .B:2017	KPH (MDL=0,005)	0,04
12	Cr(III) <sup>(d1)</sup>	mg/L	SMEWW 3500-Cr.B:2017	KPH (MDL=0,003)	0,16
13	Cu <sup>(d1)</sup>	mg/L	SMEWW 3111B:2017	KPH (MDL=0,03)	1,6
14	Zn <sup>(d1)</sup>	mg/L	SMEWW 3111B:2017	KPH (MDL=0,06)	2,4
15	Ni <sup>(d1)</sup>	mg/L	SMEWW 3113B:2017	KPH (MDL=0,003)	0,16
16	Mn <sup>(a)(b)</sup>	mg/L	SMEWW 3500-Mn.B:2017	KPH (MDL=0,06)	0,4

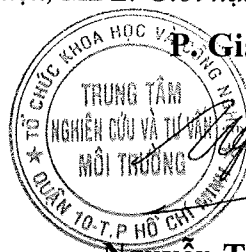
STT	THÔNG SỐ/ĐƠN VỊ		PHƯƠNG PHÁP THỬ NGHIỆM	KẾT QUẢ	QCVN 40:2011/BTNMT Cột A Kq=0,9; Kf=0,9
				NT1.231212	
17	Fe <sup>(a)(b)</sup>	mg/L	SMEWW 3500-Fe.B:2017	1,49	0,8
18	Dầu mỡ khoáng <sup>(a)</sup>	mg/L	SMEWW 5520.B&F:2017	KPH (MDL=1)	4
19	F <sup>-</sup> <sup>(a)(b)</sup>	mg/L	SMEWW 4500-F <sup>-</sup> .B&D:2017	0,59	4
20	S <sup>2-</sup> <sup>(a)(b)</sup>	mg/L	SMEWW 4500-S <sup>2-</sup> .B&D:2017	KPH (MDL=0,05)	0,16
21	Tổng N <sup>(a)(b)</sup>	mg/L	TCVN 6638:2000	15,1	16
22	Tổng P <sup>(a)(b)</sup>	mg/L	SMEWW 4500-P.B&E:2017	0,18	3,2
23	Clo dư <sup>(a)(b)</sup>	mg/L	SMEWW 4500-Cl.B:2017	KPH (MDL=0,3)	0,8
24	N-NH <sub>4</sub> <sup>+</sup> <sup>(a)(b)</sup>	mg/L	SMEWW 4500-NH <sub>3</sub> -B&F:2017	0,20	4
25	Coliforms <sup>(d1)</sup>	MPN/ 100mL	TCVN 6187-2:1996	2,1x10 <sup>3</sup>	3.000

**Ghi chú:** (--) : Không quy định; KPH: Không phát hiện, MDL: Giới hạn phát hiện

**P. Phòng thí nghiệm**



**Phạm Trúc Linh**



**P. Giám đốc**

**Nguyễn Thị Thúy Hạ**

1. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không được sự đồng ý của Trung tâm NC & TV Môi trường (REC).
2. Dấu (a): Chỉ tiêu được Vimcerts công nhận; Dấu (b): Chỉ tiêu được Vilas công nhận; Dấu (c): Chỉ tiêu thực hiện tại hiện trường
3. Dấu (d1): Chỉ tiêu NTP – Vimcert 039 thực hiện;
4. Kết quả chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm



Mã số: 231212/2182:1/QTMT/REC

Tp. HCM, ngày 22 tháng 12 năm 2023

## KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

- Đơn vị yêu cầu: **CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ NHƠN TRẠCH 2**
- Địa chỉ: Ấp 3, xã Phước Khánh, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai
- Loại mẫu: Nước mặt Số lượng: 01 mẫu

STT	MÃ SỐ MẪU	KÝ HIỆU/VỊ TRÍ LẤY MẪU
1	<b>NM1.231212</b>	1212/NM/U-NT/1: Cửa lấy nước vào trạm bơm nước làm mát trên sông Đồng Tranh

4. Ngày lấy mẫu: 12/12/2023

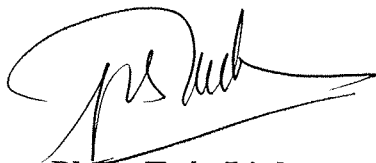
5. Kết quả thử nghiệm:

TT	THÔNG SỐ/ĐƠN VỊ		PHƯƠNG PHÁP THỬ NGHIỆM	KẾT QUẢ	QCVN 08:2023/BTNMT
				NM1.231212	
1	pH <sup>(a)(c)</sup>	--	TCVN 6492:2011	7,28	6,0 – 8,5 <sup>(**)</sup>
2	Nhiệt độ <sup>(a)(c)</sup>	°C	SMEWW 2550B:2017	31,1	-
3	Màu <sup>(a)(b)</sup>	Pt-Co	TCVN 6185:2015	KPH (MDL=5)	-
4	BOD <sub>5</sub> <sup>(a)(b)</sup>	mg/L	SMEWW 5210B:2017	<b>35</b>	≤ 10 <sup>(**)</sup>
5	COD <sup>(a)(b)</sup>	mg/L	SMEWW 5220C:2017	<b>78</b>	≤ 20 <sup>(**)</sup>
6	SS <sup>(a)(b)</sup>	mg/L	TCVN 6625:2000	194	> 100 và không có rác nổi <sup>(**)</sup>
7	As <sup>(d1)</sup>	mg/L	SMEWW 3113B:2017	KPH (MDL=0,0023)	<b>0,01</b> <sup>(*)</sup>
8	Hg <sup>(d1)</sup>	mg/L	SMEWW 3112B:2017	KPH (MDL=0,0003)	<b>0,001</b> <sup>(*)</sup>
9	Pb <sup>(d1)</sup>	mg/L	SMEWW 3113B:2017	KPH (MDL=0,0007)	<b>0,02</b> <sup>(*)</sup>
10	Cd <sup>(d1)</sup>	mg/L	SMEWW 3113B:2017	KPH (MDL=0,0002)	<b>0,005</b> <sup>(*)</sup>
11	Cr(VI) <sup>(a)(b)</sup>	mg/L	SMEWW 3500-Cr <sup>6+</sup> .B:2017	KPH (MDL=0,003)	<b>0,01</b> <sup>(*)</sup>
12	Cr(III) <sup>(d1)</sup>	mg/L	SMEWW 3500-Cr.B:2017	KPH (MDL=0,003)	-
13	Cu <sup>(d1)</sup>	mg/L	SMEWW 3111B:2017	KPH (MDL=0,03)	<b>0,1</b> <sup>(*)</sup>
14	Zn <sup>(d1)</sup>	mg/L	SMEWW 3111B:2017	KPH (MDL=0,06)	<b>0,5</b> <sup>(*)</sup>
15	Ni <sup>(d1)</sup>	mg/L	SMEWW 3113B:2017	KPH (MDL=0,003)	<b>0,1</b> <sup>(*)</sup>
16	Mn <sup>(a)(b)</sup>	mg/L	SMEWW 3500-Mn.B:2017	KPH (MDL=0,03)	<b>0,1</b> <sup>(*)</sup>

TT	THÔNG SỐ/ĐƠN VỊ		PHƯƠNG PHÁP THỬ NGHIỆM	KẾT QUẢ	QCVN 08:2023/BTNMT
				NM1.231212	
17	Fe <sup>(a)(b)</sup>	mg/L	SMEWW 3500-Fe.B:2017	1,45	0,5 <sup>(*)</sup>
18	Dầu mỡ khoáng <sup>(a)</sup>	mg/L	SMEWW 5520.B&F:2017	< 1	-
19	F <sup>-(a)(b)</sup>	mg/L	SMEWW 4500-F.B&D:2017	0,57	1 <sup>(*)</sup>
20	S <sup>2-(a)(b)</sup>	mg/L	SMEWW 4500-S <sup>2-</sup> .B&D:2017	KPH (MDL=0,05)	-
21	Tổng N <sup>(a)(b)</sup>	mg/L	TCVN 6638:2000	15,3	≤ 2 <sup>(**)</sup>
22	Tổng P <sup>(a)(b)</sup>	mg/L	SMEWW 4500-P.B&E:2017	0,17	≤ 0,5 <sup>(**)</sup>
23	Clo dư <sup>(a)(b)</sup>	mg/L	SMEWW 4500-Cl.B:2017	KPH (MDL=0,3)	-
24	N-NH <sub>4</sub> <sup>+(a)(b)</sup>	mg/L	SMEWW 4500-NH <sub>3</sub> -B&F:2017	0,18	0,3 <sup>(*)</sup>
25	Coliforms <sup>(d1)</sup>	MPN/ 100mL	TCVN 6187-2:1996	2,0x10 <sup>3</sup>	7.500 <sup>(**)</sup>

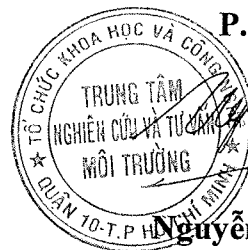
**Ghi chú:** KPH: Không phát hiện, MDL: Giới hạn phát hiện; (--): Không quy định  
 (\*): Giới hạn áp dụng bảng 1; (\*\*): Giới hạn áp dụng bảng 2, mức C

**P. Phòng thí nghiệm**



**Phạm Trúc Linh**

**P. Giám đốc**



**Nguyễn Thị Thúy Hạ**

1. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không được sự đồng ý của Trung tâm NC & TV Môi trường (REC).
2. Dấu (a): Chỉ tiêu được Vimcerts công nhận; Dấu (b): Chỉ tiêu được Vilas công nhận; Dấu (c): Chỉ tiêu thực hiện tại hiện trường.
3. Dấu (d1): Chỉ tiêu do NTP – Vimcert 039 thực hiện
4. Kết quả chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm.